

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SƠN LA
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 186/2020/HNGĐ-ST
Ngày 21/9/2020
Về ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SƠN LA, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lù Văn Quý, ông Vũ Duy Khương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Mạnh Hùng, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Cảnh, kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 181/2020/TLST-HNGĐ ngày 03/8/2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 420/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/9/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị U, sinh năm 1984. Địa chỉ: Bản P, xã H, thành phố S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Tòng Văn K, sinh năm 1979. Nơi đăng ký thường trú: Bản B (nay là tổ 4), phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La. Tạm trú: Bản P, xã H, thành phố S, tỉnh Sơn La. Hiện đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lò Thị U trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Tòng Văn K đăng ký kết hôn ngày 07/04/2017, tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố S, tỉnh Sơn La, do hai bên tự nguyện. Vợ chồng chung sống hòa thuận được thời gian đầu. Mâu thuẫn phát sinh chủ yếu do anh K nghiện ma túy. Trước khi kết hôn với chị, anh K đã phải chấp hành hình phạt 02 năm tù về tội phạm ma túy, chị có được tìm hiểu, biết rõ, nhưng do chị tin tưởng anh K đã bỏ được ma túy nên vẫn kết hôn. Trong quá trình chung sống, chị cũng đã nhiều lần tự cai cho anh và anh cũng đã được cai cắt cơn tại cộng đồng nhưng vẫn tiếp tục sử dụng ma túy. Ngày 18/12/2019,

anh K bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La, thời hạn 20 tháng. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Tòng Văn K.

Anh chị không có con chung.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Anh chị không có nợ chung.

Tại bản tự khai và phiên hòa giải, bị đơn anh Tòng Văn K trình bày:

Anh nhất trí về lời khai của chị U về việc kết hôn. Về quá trình chung sống, anh có nghiện ma túy nhưng anh xác định về phía anh vẫn còn tình cảm. Nếu chị U kiên quyết ly hôn, anh nhất trí nhưng không ký các biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải của Tòa án.

Anh chị không có con chung.

Về tài sản chung: Anh yêu cầu chị U giữ nguyên các tài sản chung, sau khi anh hoàn thành đợt cai sẽ tự thỏa thuận với chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh chị không có nợ chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La phát biểu quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, thư ký được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án; thực hiện thu thập và giao nhận, công khai chứng cứ đầy đủ, đúng quy định. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về các nguyên tắc xét xử, thành phần, trình tự thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự đã thực hiện các quy định tại Điều 70, 71, 72 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của các đương sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có lý do, Tòa án xét xử vắng mặt theo đề nghị của đương sự, đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Lò Thị U ly hôn anh Tòng Văn K. Chị Lò Thị U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La theo khoản 1 Điều 28, khoản 1

Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt có lý do đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La, thời hạn 20 tháng kể từ ngày 18/12/2019. Tòa án đã thu thập ý kiến của anh K về việc giải quyết vụ án, xác minh tại địa phương, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo đề nghị của đương sự, quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị U và anh Tòng Văn K kết hôn với nhau năm 2017, do tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị U trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do anh K nghiện ma túy. Về phía anh K xác định anh vẫn còn tình cảm, nhưng với điều kiện anh đang chấp hành cai nghiện, đề nghị chờ anh hoàn thành thời gian cai nghiện bắt buộc mới giải quyết ly hôn. Xét thấy chị U trình bày bản thân chị đã cai nghiện ma túy cho anh rất nhiều lần, anh cũng đã được địa phương giáo dục và cai cắt cơn, anh đã cùng chị lao động làm ăn, nhưng khi uống rượu, bạn rủ thì anh lại tiếp tục sử dụng ma túy, bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Nay chị U xác định về phía chị không còn tình cảm vợ chồng với anh K, Tòa án đã hòa giải nhưng chị U giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân của anh chị không khắc phục được, phù hợp với kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của anh chị tại địa phương, căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị Lò Thị U ly hôn với anh Tòng Văn K.

[3] Về con chung: Anh chị không có con chung.

[4] Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh chị không có nợ chung.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Lò Thị U ly hôn anh Tòng Văn K.
2. Về con chung: Anh chị không có con chung.
3. Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh chị không có nợ chung.
4. Về án phí: Nguyên đơn chị Lò Thị U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000

đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000471 ngày 03/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

Nguyên đơn chị Lò Thị U có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn anh Tòng Văn K vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND thành phố Sơn La;
- Chi cục THADS thành phố Sơn La;
- UBND phường A, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La *(để ghi vào kết quả hộ tịch, khi bản án có hiệu lực pháp luật;*
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Hạnh